

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 297/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Ông **Ngô Thanh L**, sinh năm 1991; CCCD số: 079xxxx; nơi thường trú: **A A, KP9, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh**; Nơi cư trú: **2 Thép M, KP13, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2/ Bà **Phạm Vân A**, sinh năm 1991, CCCD số xxx; nơi thường trú: **Thôn C, H, K, Đắc Lắc**; Nơi cư trú: **A Chung cư T, KP B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu có địa chỉ cư trú tại **phường B và phường T, Thành phố Hồ Chí Minh** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 046/2013 do **Ủy ban nhân dân Phường F, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh** cấp ngày 25/10/2013 và trình bày của đương sự thì ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ năm 2019, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Cả hai xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị nhanh chóng giải quyết cho thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét thấy sự thỏa thuận của ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên **Ngô Phạm Khánh A1**, sinh ngày 20/3/2016. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà **Phạm Vân A** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ông **Ngô Thanh L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Xét thấy, ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con, nên được công nhận.

Kể từ ngày bà **Phạm Vân A** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông **Ngô Thanh L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng do ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017333 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên **Ngô Phạm Khánh A1**, sinh ngày 20/3/2016 cho bà **Phạm Vân A** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ông **Ngô Thanh L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 4/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Kể từ ngày bà **Phạm Vân A** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông **Ngô Thanh L** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Không có.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Là 300.000 đồng do ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** mỗi người chịu $\frac{1}{2}$, được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông **Ngô Thanh L** và bà **Phạm Vân A** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0017333 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường An Đông;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Lê Diễm Thúy